

Bản án số: 2136/2024/LĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

*V/v: Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội
bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp..*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Hòa Bình

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 và ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án lao động thụ lý số 351/2024/TLST-LĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2024/QĐST- LĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2024/QĐST – LĐ ngày 23/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Hoàng Quốc L**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: A Đ, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số D T, Phường A, Quận C, TP ..

Bị đơn: **Công ty Cổ phần K**;

Trụ sở: C P, Phường B, quận B, TP .;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: C P, Phường B, quận B, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/10/2022, nguyên đơn ký hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLĐ-TECHGEL với bị đơn, mức lương chính là 5.010.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc 12 tháng từ 12/10/2022

đến 11/10/2023; chức danh chuyên môn: Chỉ huy phó; Công việc phải làm: Theo bản mô tả công việc và sự phân công của người phụ trách; Thời gian làm việc: Theo thoả ước lao động tập thể; Giờ giấc làm việc: Theo thoả ước lao động tập thể; Địa điểm làm việc: trụ sở chính, chi nhánh của công ty và các công trình trong và ngoài nước do công ty thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các địa điểm sau: TP ., Hà Nội, Đà Nẵng, N..; Dụng cụ làm việc: Theo yêu cầu công việc và theo định mức của bị đơn; P đi lại: tự túc; L1 năng suất: Theo đánh giá hoàn thành công việc được giao, hình thức trả lương: trả lương theo thời gian (tháng); Thời điểm trả lương: theo thoả ước lao động tập thể; Phụ cấp gồm: theo quy chế của bị đơn; Tiền thưởng: theo quy chế của bị đơn; Chế độ nâng lương: theo quy chế của bị đơn; Trang bị bảo hộ lao động: Theo yêu cầu công việc và theo định mức của bị đơn; Chế độ nghỉ ngơi: theo quy chế của bị đơn; Trích nộp bảo hiểm: theo quy định luật bảo hiểm xã hội, luật lao động hiện hành, Chế độ đào tạo: theo quy chế của bị đơn. Những thoả thuận khác: được hưởng chế độ phúc lợi khác theo thoả ước lao động tập thể, nhưng thực tế mức lương chính thoả thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là 22.000.000 đồng, không bao gồm phụ cấp trợ cấp như hệ số công trình, công tác phí: 875.000 đồng, phụ cấp tiền ăn 720.000 đồng, phụ cấp điện thoại 250.000 đồng.

Do bị đơn không trả lương đúng như cam kết và nợ đóng bảo hiểm nhiều tháng, nên ngày 07/6/2023 nguyên đơn đã nộp đơn xin thôi việc đến ngày 26/6/2023 nguyên đơn mới chính thức nghỉ việc tại bị đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau: Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lương là 54.664.215 đồng, gồm: Tiền lương còn thiếu của tháng 3/2023, tháng 4/2023 + Tiền lương chưa thanh toán của tháng 5/2023, tháng 6/2023; Bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023; Bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng N1 công bố là 5%/năm trên số tiền chậm thanh toán từ 15/4/2023 đến ngày 15/12/2023 tạm tính là 1.423.412 đồng. Bị đơn phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 12.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ngày 12/10/2022, bị đơn có ký hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLĐ-TECHGEL với nguyên đơn, mức lương là 5.010.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc 12 tháng từ ngày 12/10/2022 đến ngày 11/10/2023. Tổng thu nhập hàng tháng của nguyên đơn được tính trên mức lương đã ký hợp đồng và đánh giá năng suất thực tế làm việc. Đến ngày 26/6/2023 nguyên đơn có nộp đơn xin nghỉ việc và đã được phê duyệt. Tình hình tài chính của bị đơn gặp nhiều khó khăn từ đầu năm 2023, nên không còn đủ tài chính để triển khai dự án. Vì vậy, tất cả dự án gần như tạm dừng thi công, cán bộ công nhân viên chức của bị đơn gần như ngồi chờ việc. Bị đơn thực hiện thanh toán lương của cán bộ công nhân viên trên cơ sở là mức lương trên hợp đồng lao động. Bị đơn đồng ý thanh toán tổng thu nhập của nguyên đơn bằng mức lương trong hợp đồng lao động của các tháng 3,4,5,6/2023 là 15.030.000 đồng và lương tháng 03/2023 Công ty còn nợ ông L là 2.489.175 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 17.519.175 đồng.

Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2022 đến tháng 06/2023 bị đơn chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông L, do bà Nguyễn Thị Vân A là người phụ trách đã không thực hiện đúng các quy định của Công ty, hiện tại bà Vân A đã bị truy tố của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H. Vì vậy Công ty chấp nhận chi trả cho ông L khoản tiền chưa đóng bảo hiểm là 09 tháng với số tiền là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là 26.519.175 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng N1 công bố là 5%/năm trên số tiền chậm thanh toán tạm tính là 1.423.412 đồng, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 12.500.000 đồng và không phải thanh toán tiền lương của tháng 3/2023.

Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu thể hiện nguyên đơn làm việc tại công trình nước ngoài nên nguyên đơn đồng ý mức lương chính nguyên đơn được hưởng là 22.000.000 đồng/ tháng, không có hệ số lương. Nguyên đơn đồng ý mức lương KPIs là 70% theo Quyết định số 364 ngày 30/10/2020 của bị đơn, Quyết định này được bị đơn thừa nhận tại đơn vắng mặt ngày 11/9/2024. Như vậy lương chính của nguyên đơn không tính KPIs là 22.000.000 đồng - 30% KPIs = 15.400.000 đồng. Nguyên đơn xin thay đổi cách tính lương, phụ cấp, mức đóng Bảo hiểm xã hội như sau:

- Lương của tháng 4/2023 là 22.000.000 đồng: 24 ngày x 22 ngày công + 20 ngày tiền ăn x 30.000 đồng là 690.000 đồng – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 đồng – số tiền bị đơn đã thanh toán là 8.157.345 đồng = 12.173.271 đồng.

- L1 chưa thanh toán của tháng 5/2023 là 22.000.000 đồng - 30%KPIs = 15.400.000 đồng/tháng : 24 ngày x 24 ngày công – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 + 19 ngày tiền ăn x 30.000 đồng/ngày = 15.443.950 đồng.- L1 chưa thanh toán của tháng 6/2023 là 22.000.000 đồng - 30%KPIs – 15.400.000 đồng /tháng : 24 ngày x 16.5 ngày làm việc – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 + 14 ngày tiền ăn x 30.000 đồng/ngày = 10.481.450 đồng. Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 38.098.671 đồng.

Đồng thời bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn, chốt sổ bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2022 đến hết tháng 6/2023, mức lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội là 5.010.000 đồng/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản nêu ý kiến ngày 23/9/2024 của bị đơn trình bày: Ngày 12/10/2022, bị đơn có ký hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLĐ-TECHGEL với nguyên đơn, thời gian làm việc 12 tháng từ 12/10/2022 đến 11/10/2023, mức lương là 5.010.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tổng thu nhập hàng tháng của nguyên đơn được tính trên mức lương đã ký hợp đồng và đánh giá năng suất thực tế làm việc. Đến ngày 26/6/2023 nguyên đơn có nộp đơn xin nghỉ việc và đã được phê duyệt. Các hồ sơ chứng cứ của nguyên đơn cung

cấp như bảng chấm công có dấu hiệu giả mạo, tự lập và chứng cứ thể hiện tiền nợ lương là không có căn cứ và bị đơn không biết công nợ này. Tất cả dự án tạm dừng thi công, cán bộ nhân viên của bị đơn gần như ngồi chờ việc. Bị đơn không biết người lao động có đi làm hay nghỉ, nên người lao động không được xác nhận chấm công. Vì vậy bị đơn thực hiện thanh toán lương của cán bộ nhân viên trên cơ sở là mức lương trên hợp đồng lao động. Bị đơn đồng ý thanh toán tổng thu nhập của ông L bằng mức lương trên hợp đồng lao động của các tháng 03/2023, 04/2023, 05/2023, 06/2023 là 17.519.175 đồng.

Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2022 đến tháng 06/2023 bị đơn chưa đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, do bà Nguyễn Thị Vân A là người phụ trách đã không thực hiện đúng các quy định của Công ty, hiện tại bà Vân A đã bị truy tố của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H. Bị đơn sẽ thực hiện nghĩa vụ kê khai theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng lao động, sao kê tài khoản của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác nhận nguyên đơn được trả lương 22.000.000 đồng/tháng, được trả phụ cấp tiền ăn là 30.000 đồng/ngày và tỉ lệ lương năng suất (KPIs) là 30% lương, lương cố định là 70% lương. Bị đơn chưa trả cho nguyên đơn lương các tháng 4,5,6 năm 2023, chưa đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn, chưa thực hiện chốt sổ bảo hiểm cho nguyên đơn khi hợp đồng lao động chấm dứt là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lương, trợ cấp thôi việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Bị đơn là Công ty Cổ phần K có địa chỉ trụ sở tại số C P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp lao động cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc rút, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng N1 công bố là 5%/năm trên số tiền chậm thanh toán, tạm tính là 1.423.412 đồng, không phải thanh toán tiền trợ chấp thôi việc với số tiền là 12.500.000 đồng và không phải thanh toán tiền lương tháng 3/2023. Do đó, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[3.2] Xét, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc bị đơn phải thanh toán tiền lương của các tháng 4,5,6/2023, theo đó, nguyên đơn thay đổi về cách tính lương, phụ cấp. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

[4] Về mức lương, về lương năng suất theo đánh giá hoàn thành công việc và hệ số lương của nguyên đơn:

[4.1] Xét, về mức lương của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận ngày 12/10/2022 các bên có ký Hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLĐ-TECHGEL, thời gian 12 tháng từ 12/10/2022 đến 11/10/2023, mức lương 5.010.000 đồng/tháng. Theo nguyên mức lương thực tế nguyên đơn hưởng là 22.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm các khoản phụ cấp, hệ số lương, chứ không phải là mức lương 5.010.000 đồng/tháng như trong hợp đồng lao động. Căn cứ bảng sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thể hiện ngày 24/02/2023, bị đơn chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 tháng 01/2023 cho vào số tài khoản của nguyên đơn là 8.610.005 đồng, bị đơn trả lương đợt 2 tháng 01/2023 là 15.989.500 đồng. Căn cứ bảng thanh toán lương tháng 12/2022 thì tiền lương thực tế của nguyên đơn bao gồm phụ cấp mà bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là 22.466.750 đồng và tiền lương tháng 12/2022 sau khi cộng phụ cấp trừ tiền đóng thuế thu nhập cá nhân là 20.495.600 đồng, phù hợp với số tiền lương tháng 12/2022 nguyên đơn đã được nhận. Do đó, có cơ sở xác định mức lương của nguyên đơn 22.000.000 đồng/tháng.

[4.2] Về việc tính lương theo năng suất, hiệu quả công việc: Theo trình bày của nguyên đơn thì lương thực tế nguyên đơn được nhận bao gồm lương cố định và lương theo hiệu quả công việc được gọi là KPIs. Ngày 11/9/2024, tại đơn xin vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn gửi cho Tòa án thì bị đơn xác nhận bị đơn đã ban hành Quyết định 364/2020/QĐ-TECHGEL ngày 30/10/2020 về hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc-KPIs, theo quyết định này thì tỉ lệ đánh giá KPIs đối với chức danh kỹ sư là 30% lương chính và lương cố định hàng tháng của nguyên đơn là 70%

lương chính. Tuy nhiên, bị đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ có nội dung thể hiện bị đơn đã ban hành, phổ biến quy định tính lương này cho người lao động và việc đánh giá cho người lao động hưởng lương KPIs là trách nhiệm của bị đơn, không phải nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó lương chính của nguyên đơn được tính là 22.000.000 đồng/tháng x 70% = 15.400.000 đồng/tháng.

[4.3] Về phụ cấp tiền ăn: Căn cứ khoản 23.2 Điều 23 Thỏa ước lao động tập thể do bị đơn phát hành và sự thừa nhận của bị đơn thì nguyên đơn được trả phụ cấp tiền ăn là 30.000 đồng/người/ngày làm việc bình thường, trường hợp làm việc ½ ngày được tính 15.000 đồng.

[4.4] Xét, về mức lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ công văn số 138/BHXH-7906 ngày 09/5/2024 của Bảo hiểm xã hội quận B, nguyên đơn hiện chưa được bị đơn lập hồ sơ báo đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại bảo hiểm xã hội quận B. Do đó bảo hiểm xã hội quận B không có cơ sở cung cấp được thông tin về việc đóng và hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội bảo của nguyên đơn.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 23/9/2024 của bị đơn xác nhận, ngày 12/10/2022, bị đơn có ký hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLĐ-TECHGEL với nguyên đơn, thời gian làm việc 12 tháng từ 12/10/2022 đến 11/10/2023, mức lương là 5.010.000.000 đồng/tháng. Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2022 đến tháng 06/2023 chưa đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, bị đơn sẽ thực hiện nghĩa vụ kê khai theo quy định. Căn cứ Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, người sử dụng lao động có trách nhiệm lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội, nên nguyên đơn sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo mức là 5.010.000 đồng/tháng, nên nguyên đơn phải trích tiền lương là 5.010.000 đồng x 10.5%/tháng = 526.050 đồng/tháng để đóng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

[5] Xét, nguyên đơn yêu cầu của bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lương chưa trả đủ của tháng 4/2023 và tiền lương chưa thanh toán của tháng 5,6/2023.

[5.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lương chưa trả đủ của tháng 4/2023. Căn cứ lời khai xác nhận của các đương sự thì số ngày công lao động là 24 ngày/tháng. Nguyên đơn trình bày tháng 4/2023, đã làm việc 22 ngày trong đó có 4 ngày làm ½ ngày. Căn cứ khoản 1 Điều 90 Luật Lao động quy định “*Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*”. Như vậy, số tiền bị đơn đã trả nguyên đơn hàng tháng bao gồm tiền lương, phụ cấp những ngày thực tế làm

việc, trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội, tiền thuế thu nhập cá nhân. Bị đơn là người sử dụng lao động, chấm công cho người lao động nhưng bị đơn không phản đối, không giao nộp chứng cứ về số ngày làm việc của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có cơ sở xác định nguyên đơn đã làm việc với số ngày công như nguyên đơn trình bày, đồng thời bị đơn là người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn và trả lương cho người lao động theo mức tiền lương mà các bên đã thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Lao động. Căn cứ bảng sao kê tài khoản gửi khách hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thể hiện ngày 31/5/2023 bị đơn đã chuyển tiền lương của tháng 04/2023 cho nguyên đơn với là 8.157.345 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, bị đơn phải thanh toán tiền lương cho nguyên đơn như sau: Lương tháng 4/2023 thanh toán còn thiếu là 22.000.000 đồng : 24 ngày x 22 ngày công – số tiền bị đơn đã thanh toán là 8.157.345 đồng – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 đồng + 20 ngày tiền ăn x 30.000đồng/ngày = 12.173.271 đồng.

[5.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lương tháng 5/2023, tháng 6/2023 mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thì mức lương nguyên đơn được hưởng bao gồm lương cố định và lương theo hiệu quả công việc được gọi là KPIs, chỉ số đánh giá thực hiện công việc KPIs, tỉ lệ đánh giá KPIs đối với chức danh kỹ sư là 30% lương chính và lương cố định hàng tháng của nguyên đơn là 70% lương chính của nguyên đơn là 15.400.000 đồng/tháng. Bị đơn phản đối lời trình bày của nguyên đơn và cho rằng tất cả dự án tạm dừng thi công, cán bộ nhân viên của bị đơn gần như ngồi chờ việc, bị đơn không biết người lao động có đi làm hay nghỉ, nên người lao động không được xác nhận chấm công, bị đơn thực hiện thanh toán lương của cán bộ nhân viên trên cơ sở là mức lương trên hợp đồng lao động. Tuy nhiên, tại Đơn xin vắng mặt ngày 11/9/2024 gửi cho Tòa án và Quyết định 364/2020/QĐ- TECHGEL ngày 30/10/2020 do bị đơn ban hành thì chỉ số đánh giá thực hiện công việc – KPIs, tỉ lệ đánh giá KPIs đối với chức danh kỹ sư là 30% lương chính và lương cố định hàng tháng của nguyên đơn là 70% lương chính. Bị đơn đồng ý thanh toán tổng thu nhập của nguyên đơn bằng mức lương trên hợp đồng lao động của các tháng 03/2023, 04/2023, 05/2023, 06/2023 là 17.519.175 đồng, nhưng bị đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bị đơn. Do đó, căn cứ tài liệu do nguyên đơn giao nộp, lương theo hiệu quả công việc là 30% và lương cố định hàng tháng của nguyên đơn là 70% lương chính được tính là 15.400.000đồng. Như vậy lương tháng 5/2023 và lương của tháng 06/2023 của nguyên đơn được tính như sau:

- L1 chưa thanh toán của tháng 5/2023 là 22.000.000 đồng - 30%KPIs = 15.400.000 đồng/tháng : 24 ngày x 24 ngày công – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 + 20 ngày tiền ăn x 30.000 đồng/ngày = 15.473.950 đồng.

- L1 chưa thanh toán của tháng 6/2023 là 22.000.000 đồng - 30%KPIs – 15.400.000 đồng /tháng : 24 ngày x 16.5 ngày làm việc – tiền bảo hiểm xã hội là 526.050 + 15 ngày tiền ăn x 30.000 đồng/ngày = 10.511.450 đồng.

Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lương là 38.098.671 đồng, gồm: L1 còn nợ của tháng 4/2023 là 12.173.271 đồng + L1 chưa thanh toán của tháng 5/2023 là 15.443.950 đồng + L1 chưa thanh toán của tháng 6/2023 là 10.511.450 đồng.

[6] Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến hết tháng 6/2023, mức lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội là 5.010.000 đồng/tháng: Căn cứ hợp đồng lao động số 273/2022/HĐLD-TECHGEL, được nguyên đơn và bị đơn ký ngày 12/10/2022 thể hiện mức lương đóng bảo hiểm: 5.010.000/tháng. Căn cứ Công văn số 138/BHXXH-7906 ngày 09/5/2024 của Bảo hiểm xã hội quận B gửi Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh có nội dung như sau: “*Ông Hoàng Quốc L, sinh ngày 23/3/1987, số căn cước công dân 068087009302 hiện chưa được Công ty Cổ phần K lập hồ sơ báo đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại bảo hiểm xã hội quận B. Do đó bảo hiểm xã hội quận B không có cơ sở cung cấp được thông tin về việc đóng và hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội bảo của ông Hoàng Quốc L.*”. Căn cứ Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, người sử dụng lao động có trách nhiệm lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội; phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn thì bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với nguyên đơn từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023 với mức lương 5.010.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 34, Điều 91, Điều 94 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 21, Điều 25, Điều 85, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hoàng Quốc L về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần K phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng N1 công bố là 5%/năm trên số tiền chậm thanh toán tạm tính là 1.458.412 đồng, không

phải thanh toán tiền trợ chấp thôi việc với số tiền là 12.500.000 đồng và không phải thanh toán tiền lương tháng 3/2023.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc L. Công ty Cổ phần K phải thanh toán tiền lương cho ông Hoàng Quốc L với tổng số tiền của tháng 4/2023, tháng 5/2, tháng 6/2023 là 38.098.671 đồng.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần K chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì Công ty Cổ phần K còn phải chịu thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3/ Công ty Cổ phần K phải tắt toán và chấm dứt quá trình đóng Bảo hiểm xã hội của ông Hoàng Quốc L tại cơ quan bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2022 đến hết tháng 6/2023 với mức lương là 5.010.000 đồng/tháng.

4/ Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 1.142.960 đồng, Công ty Cổ phần K phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Thảo